


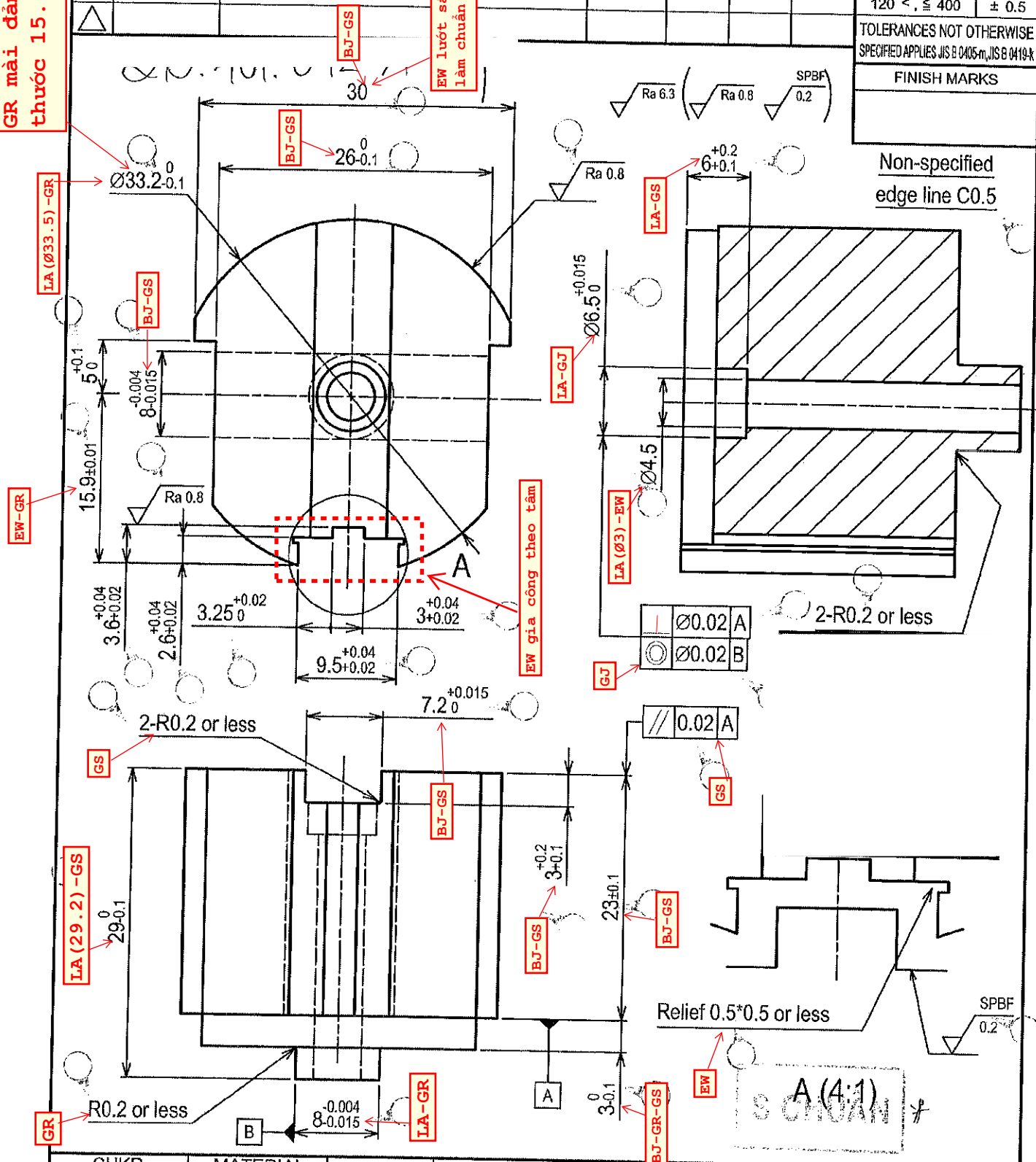





GR màu đậm bảo kích thước 15.90

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2021/10/20	New production	DVBS-0581	Dang Dinh Tuan	Pham Phu Ocoo	Hu Nguyen Tien	$0.5 \leq, \leq 6$	± 0.1
							$6 <, \leq 30$	± 0.2
							$30 <, \leq 120$	± 0.3
							$120 <, \leq 400$	± 0.5
							TOLERANCES NOT OTHERWISE	

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k
FINISH MARKS



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME	
Ha_Ngoc_Tien	SKS3		部品図	ガイド	
DSGND.	SURFACE		SCALE	PART DRAWING	GUIDE
Pham_Phu_Quoc	SOB 		2:1	部品図	导块
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.	
Pham_Phu_Quoc	HRC 58 ~ 62 	A4V	2021/10/20	R432430	

SNO: **R432430**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS3 Ø36*34	LA:60 BJ:60 HT:40 EW:100 GR:75 GS:120 GJ:60 AF:20 AB:10 KT